

Bản án số: 21/2022/KDTM-ST

Ngày: 06 – 9 - 2022

*Về việc: Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Sa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thái Sơn

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Tánh – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2022 tại Phòng xử án trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 24/2020/TLST-KDTM ngày 22/12/2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2022/QĐXXST-KDTM ngày 18 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2022/QĐST-KDTM ngày 10 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty KP

Địa chỉ trụ sở: đường L, Phường MM, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà H – sinh năm 1991, địa chỉ: đường L, Phường MM, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh. (theo giấy ủy quyền ngày 20/5/2022) (vắng mặt – có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Công ty Đ.

Địa chỉ: đường S, phường T, Quận MH, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Bà L – chức vụ: Giám đốc (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/12/2020 của Công ty KP (sau đây viết tắt là công ty KP) cùng lời khai của đại diện theo ủy quyền của Công ty, trình bày như sau:

Công ty KP có bán cho Công ty Đ mặt hàng là xi măng trắng từ năm 2013. Đến năm 2019 hai bên có ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa số 45/2019/KP-ĐNA ngày 01/3/2019, khi ký hợp đồng này ông Nguyễn Minh Hải là người đại diện theo pháp luật của công ty Đ (theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của công ty Đ, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 17/6/2013 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kết hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh

cấp). Sau khi ký hợp đồng nêu trên, công ty KP đã bán và giao hàng đầy đủ theo những lần đặt hàng của công ty Đ và cho công ty Đ nợ gốc đầu. Công ty KP đã xuất 3 hóa đơn giá trị gia tăng ngày 26/3/2019, ngày 01/4/2019, ngày 06/4/2019 với số lượng hàng hóa đã bán cho công ty Đ là 1.044 bao xi măng trắng thành tiền là 124.500.000đồng, phía công ty Đ có thanh toán nhiều lần tiền được tổng cộng là 63.835.000đồng và ngưng thanh toán từ ngày 27/8/2019 cho đến nay. Hai bên có lập bảng đối chiếu công nợ ngày 05/10/2020 và ngày 05/11/2020 thể hiện số tiền hàng công ty Đ phải thanh toán cho công ty KP là 60.665.000đồng. Công ty KP đã nhiều lần yêu cầu công ty Đ thanh toán tiền mua hàng còn nợ, nhưng đến nay công ty Đ vẫn chưa thanh toán cho công ty KP.

Nay, yêu cầu công ty Đ phải thanh toán cho công ty KP số tiền mua xi măng trắng còn nợ là 60.665.000đồng và tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 05/11/2020 đến ngày xét xử theo lãi suất là 10%/năm, trả toàn bộ ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Công ty Đ không có ý kiến, Người đại diện hợp pháp của công ty Đ không đến Tòa án nhân dân Quận 6 để làm bản tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như vắng mặt tại phiên tòa và không có gửi văn bản nêu ý kiến tại phiên tòa.

Ông Võ Văn Tánh – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn buộc công ty TNHH sản xuất – Thương mại – Xây dựng Đ phải thanh toán cho công ty TNHH một thành viên KP số tiền nợ gốc và lãi chậm trả tạm tính từ ngày 05/11/2020 đến ngày 06/9/2022 tổng cộng là 71.803.537 đồng, trong đó nợ gốc là 60.665.000, lãi chậm trả 11.138537 đồng, trả một một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật và phải chịu lãi phát sinh trong trường hợp chậm thi hành án; Án phí sơ thẩm bị đơn phải chịu là 3.590.177 đồng, hoàn tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn là 3.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, cng ý kiến của Đại diện Viện kiểm st nhn dn Quận 6 tại phin tịa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng:

Ngày 09/12/2020 Công ty KP đã nộp đơn khởi kiện đề ngày 04/12/2020 yêu cầu công ty Đ trả tiền mua hàng còn nợ theo hợp đồng mua bán hàng hóa số 45/2019/KP-ĐNA có thỏa thuận những tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu không tự giải quyết bằng thương lượng thì sẽ đưa ra Tòa án nhân dân Quận 6 giải quyết. công ty KP là nguyên đơn có địa chỉ trụ sở tại đường L Phường MM Quận S. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6.

Tòa án nhân dân Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho người đại diện hợp pháp của công ty Đ theo đúng qui định của pháp luật Tố tụng dân sự, để triệu tập đến Tòa án nhân dân Quận 6 làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa. Nhưng người đại diện hợp pháp của công ty Đ vẫn không đến tòa để làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa. Xét việc người đại diện hợp pháp của công ty Đ là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không đến tham gia phiên tòa, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người đại diện hợp pháp của công ty Đ là bị đơn.

[2]. Về yêu cầu của đương sự:

Tòa án nhân dân Quận 6 đã niêm yết hợp lệ cho công ty Đ thông báo thụ lý số 923/TB-TLVA ngày 25/12/2020 về việc thụ lý vụ án “Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa” theo đơn khởi kiện của Công ty KP yêu cầu công ty Đ trả tiền mua hàng còn nợ. Phía công ty Đ không có văn bản ghi ý kiến, cũng như không đến Tòa án nhân dân Quận 6 theo giấy triệu tập để trình bày ý kiến, chứng tỏ công ty Đ đã “không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu ...” mà bên Công ty KP đưa ra. Chính vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân Quận 6 công nhận những tình tiết, sự kiện và tài liệu do Công ty KP đưa ra có giá trị chứng minh.

Căn cứ Hợp đồng mua bán hàng hóa số 45/2019/KP-ĐNA ngày 01/3/2019, cho thấy giao dịch giữa Công ty KP và công ty Đ là “Hợp đồng mua bán hàng hóa” có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự và Điều 24 Luật Thương mại nên có hiệu lực thực hiện theo thỏa thuận: Công ty Đ mua của Công ty KP hàng hóa là xi măng trắng do Mã Lai sản xuất và xi măng trắng do Indonesia sản xuất; đơn giá theo bảng báo giá từng thời điểm của công ty KP, thanh toán: công ty Đ được nợ gởi đầu 10 tấn xi măng trong tháng khi lấy đơn hàng mới thì phải thanh toán 100% giá trị lô hàng đã nhận liền kề trước đó nhưng không quá 7 ngày tính từ ngày giao nhận xong lô hàng liền kề trước đó, nếu quá thời hạn trên phải chịu lãi suất trả chậm phát sinh 2%/tháng.

Người đại diện hợp pháp của Công ty KP trình bày công ty KP đã bán và giao hàng đầy đủ theo những lần đặt hàng của công ty Đ và cho công ty Đ nợ gởi đầu. Công ty KP đã xuất 3 hóa đơn giá trị gia tăng ngày 26/3/2019, ngày 01/4/2019, ngày 06/4/2019 với số lượng hàng hóa đã bán cho công ty Đ là 1.044 bao xi măng trắng thành tiền là 124.500.000đồng, phía công ty Đ có thanh toán nhiều lần tiền được tổng cộng là 63.835.000đồng và ngưng thanh toán từ ngày 27/8/2019 cho đến nay. Hai bên có lập bảng đối chiếu công nợ ngày 05/10/2020 và ngày 05/11/2020 thể hiện số tiền hàng công ty Đ phải thanh toán cho công ty KP là 60.665.000đồng. Công ty KP đã nhiều lần yêu cầu công ty Đ thanh toán tiền mua hàng còn nợ, nhưng đến nay công ty Đ vẫn chưa thanh toán cho công ty KP.

Theo các hóa đơn giá trị gia tăng số 0001489 ngày 26/3/2019, số 0001524 ngày 01/4/2019, số 0001567 ngày 06/4/2019 và bản đối chiếu công nợ phải thu ngày 05/10/2020 và ngày 05/11/2020 cho thấy công ty Đ nợ của Công

ty KP tiền mua hàng hóa xi măng trắng theo hợp đồng mua bán hàng hóa số 45/2019/KP-ĐNA ngày 01/3/2019 là 60.665.000đồng. Như vậy, căn cứ Điều 50 Luật Thương mại và khoản 1 Điều 66 Nghị định 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015, công ty Đ phải thanh toán cho Công ty KP tiền mua xi măng trắng còn nợ là: 60.665.000đồng.

Công ty KP yêu cầu công ty Đ trả tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 05/11/2020 theo lãi xuất 10%/năm, nên căn cứ Điều 306 Luật Thương mại và công văn số 20/2021/CV/EIBBT ngày 19/4/2021 của Ngân hàng E chi nhánh Bình Tân, công văn số 48/2022/BPU ngày 16/5/2022 của Ngân hàng K chi nhánh Bình Phú, công văn số 698/VCB.BTA-KTrNB ngày 27/6/2022 của Ngân hàng TMCP V chi nhánh Bình Tây cung cấp thông tin về lãi suất nợ quá hạn trung bình, thì công ty Đ phải trả cho công ty KP tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 05/11/2020 đến ngày xét xử (06/9/2022) là 11.138.537 đồng [60.665.000đồng x 10%/năm x (22/12+1/365)năm]

Thời hạn thanh toán: Căn cứ khoản 1 Điều 278 Bộ luật Dân sự quy định về thời hạn thực hiện nghĩa vụ do các bên thỏa thuận, vì vậy công ty Đ phải trả cho Công ty KP tiền mua hàng theo thỏa thuận tại mục 2.4 Hợp đồng mua bán hàng hóa số 45/2019/KP-ĐNA ngày 01/3/2019, nhưng đến nay công ty Đ chưa thanh toán số tiền nợ nêu trên, là đã vi phạm thỏa thuận về thời hạn thanh toán, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty KP. Vì vậy, công ty Đ phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty KP toàn bộ số tiền mua hàng còn nợ là 60.665.000đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 11.138.537 đồng, tổng cộng là 71.803.537 đồng, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngoài ra, căn cứ Điều 306 Luật Thương mại thì trong trường hợp công ty Đ chậm trả tiền, Công ty KP có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

[3]. *Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:* Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Công ty Đ phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 3.590.177 đồng

Do được chấp nhận toàn bộ yêu cầu, nên Công ty KP được hoàn trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0010884 ngày 22/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, khoản 1 Điều 278 Bộ luật Dân sự; Điều 24, Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại; khoản 1 Điều 66 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty KP:

Buộc Công ty Đ có trách nhiệm thanh toán cho Công ty KP tiền mua hàng còn nợ là 60.665.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 11.138.537 đồng, tổng cộng là 71.803.537 đồng, theo Hợp đồng mua bán hàng hóa số 45/2019/KP-ĐNA ngày 01/3/2019 và bản đối chiếu công nợ phải thu ngày 05/10/2020, ngày 05/11/2020.

Công ty A phải thanh toán cho Công ty KP toàn bộ số tiền 71.803.537 (bảy mươi một triệu tám trăm lẻ ba ngàn năm trăm ba mươi bảy) đồng nêu trên làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Kể từ ngày Công ty KP có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong số tiền còn thiếu nêu trên, hàng tháng Công ty A còn phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty A phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 3.590.177 (ba triệu năm trăm chín mươi ngàn một trăm bảy mươi bảy) đồng

Hoàn trả lại cho Công ty KP toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 (ba triệu) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0010884 ngày 22/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6.

4. Về quyền kháng cáo: Công ty KP và Công ty A được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận 6;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Kim Sa